

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chi phí khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, lập hồ sơ, cấm cọc GPMB xây dựng công trình Nâng cấp đường giao thông bản Giá, xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa (Chương trình 30a)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 59/2014/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; số 46/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2016 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1887/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; số 2326/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp đường giao thông bản Giá, xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa (Chương trình 30a);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2676/SGTVT-TĐKHKT ngày 03/7/2020, kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 2675/SGTVT-TĐKHKT ngày 03/7/2020 và của UBND huyện Quan Hóa Tờ trình số 63/TTr-UBND ngày 29/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chi phí khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, lập hồ sơ, cấm cọc GPMB xây dựng công trình Nâng cấp đường giao thông bản Giá, xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa (Chương trình 30a) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp đường giao thông bản Giá, xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa (Chương trình 30a).
2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm C, công trình giao thông đường bộ, cấp IV.
3. Phạm vi khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công

Chiều dài tuyến 5,13km; điểm đầu Km0- tại bản Giá; điểm cuối Km5+133- tại cửa suối Giá nối vào đường đầu cầu vận hành nhà máy thủy điện Hồi Xuân.

4. Quy mô xây dựng

Nâng cấp, cải tạo đảm bảo quy mô đường giao thông nông thôn cấp B theo TCVN 10380:2014; vận tốc thiết kế $V_{tk}=15\text{km/h}$; chiều rộng nền đường $B_n=4,0\text{m}$; mặt đường $B_m=3,0\text{m}$; lề đường $B_{ld}=2\times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$; mặt đường BTXM; công trình thoát nước bằng BTXM và BTCT, tải trọng thiết kế H13-XB60, tần suất tính toán thủy văn $P=4\%$.

5. Địa điểm xây dựng: xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa.

6. Nội dung công tác khảo sát

a) Khảo sát địa hình

- Lưới khống chế mặt bằng, độ cao: sử dụng lại hệ thống lưới khống chế mặt bằng hạng IV, lưới khống chế độ cao hạng IV đã xây dựng trong bước lập thiết kế cơ sở.

- Lưới đường chuyên cấp 2: sử dụng lại hệ thống lưới đường chuyên cấp 2 đã xây dựng trong bước lập thiết kế cơ sở; xây dựng bổ sung các mốc đường chuyên bị mất hoặc hư hỏng (nếu có).

- Xây dựng lưới thủy chuẩn kỹ thuật.

- Bình đồ tuyến: sử dụng số liệu đã thực hiện trong bước lập thiết kế cơ sở, cập nhật những thay đổi.

- Đo vẽ cắt dọc tuyến tỷ lệ dài 1/2000, cao 1/100. Trên trắc dọc bố trí các cọc thể hiện các điểm biến đổi địa hình, vị trí công trình thoát nước ngang, các cọc yếu tổ đường cong.

- Đo vẽ mặt cắt ngang: sử dụng, cập nhật số liệu đã thực hiện trong bước lập thiết kế cơ sở; đo vẽ bổ sung các cọc đảm bảo khoảng cách giữa các mặt cắt ngang trung bình 11m/mặt cắt; phạm vi đo từ tìm ra mỗi bên trung bình 10m đảm bảo phản ánh đúng địa hình, địa vật phục vụ công tác lập thiết kế bản vẽ thi công.

b) Khảo sát địa chất:

Sử dụng số liệu khoan khảo sát địa chất nền đường đã thực hiện trong bước lập thiết kế cơ sở; khoan bổ sung, xen kẽ giữa các lỗ khoan bước trước đảm bảo trung bình 1,0km/02 lỗ; chiều sâu trung bình 6,0m/lỗ; khoan 2,0m lấy một mẫu để thí nghiệm.

c) Khảo sát thủy văn: sử dụng số liệu khảo sát thủy văn đã thực hiện trong bước thiết kế cơ sở; cập nhật, bổ sung những thay đổi.

d) Công tác khác: điều tra, thu thập số liệu, làm việc với các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan; điều tra mỏ vật liệu, bãi đổ thải;...

7. Nhiệm vụ lập thiết kế bản vẽ thi công: theo phạm vi tuyến, quy mô xây dựng và đảm bảo tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn cho dự án; phù hợp với dự án đầu tư đã được phê duyệt và các quy định khác của pháp luật.

8. Dự toán phê duyệt: **572.788.000 đồng** (*Năm trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí khảo sát : 257.447.000 đồng.
- Chi phí giám sát công tác khảo sát : 10.483.000 đồng.
- Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát : 7.723.000 đồng.
- Chi phí lập thiết kế BVTC : 247.135.000 đồng.
- Chi phí lập hồ sơ, cắm cọc GPMB (tạm tính) : 50.000.000 đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao UBND huyện Quan Hóa tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng.

Trong quá trình thực hiện, có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến của Sở Giao thông vận tải tại văn bản số 2675/SGTVT-TĐKHKT ngày 03/7/2020 đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, VX_{30a106}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đăng Quyền

PHỤ BIỂU DỰ TOÁN
CHI PHÍ KHẢO SÁT, LẬP THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
Dự án: Nâng cấp đường giao thông bản Giá, xã Thanh Xuân,
huyện Quan Hóa (Chương trình 30a)

(Kèm theo Quyết định số: _____/QĐ-UBND ngày ____ / ____/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: đồng

STT	Hạng mục chi phí	Ký hiệu	Phương pháp xác định	Thành tiền
I	Chi phí khảo sát xây dựng	Gksxd		257.447.000
1	Chi phí trực tiếp	T	VL+NC+M	119.109.573
1.1	Chi phí vật liệu	VL	Dự toán chi tiết	12.782.564
1.2	Chi phí nhân công	NC		100.055.385
1.3	Chi phí máy thi công	M		6.271.624
2	Chi phí gián tiếp	GT	C+LT	75.994.248
2.1	Chi phí chung	C	NC x 70%	70.038.769
2.2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công, chi phí không xác định được khối lượng từ thiết kế, chi phí gián tiếp khác	LT	T x 5%	5.955.479
3	Thu nhập chịu thuế tính trước	TL	(T+GT) x 6%	11.706.229
	Giá thành khảo sát xây dựng	Gks	(T+C+TL)	206.810.050
4	Chi phí khác phục vụ công tác khảo sát	Cpvks		5.955.478
4.1	Chi phí lập phương án khảo sát	Cpa	Gks*2%	2.382.191
4.2	Chi phí lập báo cáo kết quả khảo sát	Cbc	Gks*3%	3.573.287
	Giá trị dự toán khảo sát trước thuế	G	Gks+Cpvks	212.766.000
5	Thuế giá trị gia tăng	GTGT	G x 10%	21.276.600
	Giá trị khảo sát sau thuế	Gxd	G + GTGT	234.043.000
6	Chi phí dự phòng khối lượng phát sinh	Gdp	Gxd*10%	23.404.000
II	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	Gnv	Gksxd*3%	7.723.000
III	Chi phí giám sát công tác khảo sát	Ggs	Gksxd*4,072%	10.483.000
IV	Chi phí lập hồ sơ cắm cọc GPMB (tạm tính)		QĐ số: 1887/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	50.000.000
V	Chi phí lập thiết kế BVTC, DT	Gtk	QĐ số: 1887/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	247.135.000
TỔNG CỘNG			I+II+III+IV+V	572.788.000